TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Quách Thuận An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Bình Q, xã Bình Phước X, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Thế H, sinh năm 1993; địa chỉ: số nhà 218, ấp T, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến N trình bày*, bà N và ông H do mai mối, quen biết, tìm

hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Phan Trần Khả N1, sinh ngày 01/5/2020. Hiện tại, cháu N1 đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cự cãi nhau, chồng có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà N và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Trần Khả N1, ông H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Bản tự khai của bà Trần Thị Yến N, căn cước công dân tên Trần Thị Yến N (bản sao), giấy khai sinh số 149, ngày 11/05/2020 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện C cấp đối với Phan Trần Khả N1 (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 05/5/2017 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện C cấp đối với ông Phan Thế H và bà Trần Thị Yến N (bản sao) và xác nhận thông tin về cư trú ngày 15/02/2024.

- Bị đơn ông Phan Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trần Thị Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Yến N đối với ông Phan Thế H, bà N được

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Trần Khả N1, sinh ngày 01/5/2020; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông H về buộc ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thế H, ông H cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Thế H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Yến N khai, bà N và ông H do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện C nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà N và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông H bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau và không còn sống chung từ năm 2022 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phan Trần Khả N1, sinh ngày 01/5/2020. Bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu N1 đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về thể chất, tinh thần và ông H không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của bà

N. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Ngọc cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N rút lại yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc bà N rút lại yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Yến N đối với ông Phan Thế H về cấp dưỡng nuôi dạy con chung Phan Trần Khả N1, sinh ngày 01/5/2020 theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần cầu khởi kiện của bà Trần Thị Yến N.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Yến N được ly hôn với ông Phan Thế H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 05/5/2017 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện C cấp đối với ông Phan Thế H và bà Trần Thị Yến N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Trần Khả N1, sinh ngày 01/5/2020. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Yến N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Thế H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015026 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 02 năm 2024; bà Trần Thị Yến N đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Thế H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Trần Thị Yến N, ông Phạm Thế H được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm